

Tác Giả và Tác Phẩm

Quang Dũng (I)

Tiểu sử

Tên thật: Bùi Đình Diệm.

Sinh năm 1921 tại làng Phượng Trì, Huyện Đan Phượng (nay thuộc Hà Nội).

Tác phẩm

Bài thơ sông Hồng – Rừng biển quê hương



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Tây tiến – 2

Chuyện phía sau bài thơ Tây Tiến – Lâm Bình – 3

Cha tôi – Bùi Phương Thảo - 6

Đôi mắt người Sơn Tây - Đôi bờ - 8

Đôi mắt người Sơn Tây – nàng là ai? - Nguyễn Duyên – 10

Ngôi nhà Quang Dũng ở Sơn Tây – Phan Lạc Tiếp – 13

Bài Thơ Tây Tiến (Quang Dũng) – Viên Linh - 15

Phụ đính :

Chùm thơ Quang Dũng

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Quang Dũng qua Chân Dung Nhà Văn
với nhà thơ Xuân Sách :
“Sông Mã xa rồi, *Tây Tiến* ơi!”
Về làm xiếc khỉ với đời thôi
Nhà đòi một nóc chênh vênh lắm
Sống tạm cho qua một kiếp người
Áo sòn thay chiếu anh về đất
Mây đầu ô trắng, Ba vì xanh
Gửi hồn theo mộng về *Tây Tiến*
“Sông Mã gầm lên, khúc độc hành”!



Tây tiến

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

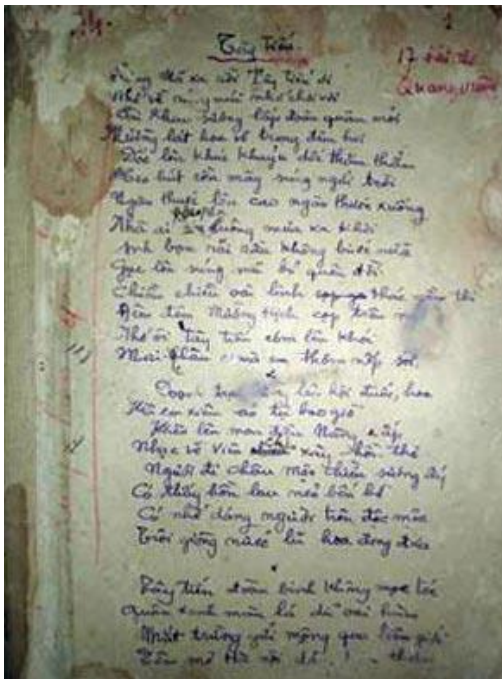
Tây tiến đoàn quân không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

Tây tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh – 1948

Chuyện phía sau bài thơ “Tây Tiến” Lâm Bình



Bút tích bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng được lưu giữ tại nhà ông Quang Vĩnh ở Thái Nguyên.

Tây Tiến là một bài thơ của nhà thơ Quang Dũng, được in trong tập Mây đầu ô. Trung đoàn Tây Tiến được thành lập năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với quân Lào chống Pháp. Chiến sĩ trong đoàn quân này phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên (như nhà thơ Quang Dũng). Chiến đấu khắp các địa bàn thuộc tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, miền Tây Thanh Hóa, Sầm Nưa (Lào), trong những hoàn cảnh rất gian khổ, vô cùng thiếu thốn, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội, nhưng “họ sống rất lạc quan và chiến đấu dũng cảm”. Cuối năm 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa binh đoàn Tây Tiến chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh (một làng thuộc tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Nội), ông viết bài thơ Nhớ Tây Tiến, mà sau này ông cho đổi tên là Tây Tiến. Bài thơ nói lên nỗi nhớ về thiên nhiên Tây Tiến hoang sơ, xa ngái nhưng thơ mộng, trữ tình. Đặc biệt Tây Tiến là bài thơ giàu nhạc điệu, nhạc điệu của cuộc sống và của tâm hồn. Mỗi đoạn thơ mang một nhạc điệu riêng vừa mạnh mẽ, vừa uyển chuyển khi đưa người đọc về với những kỉ niệm xa nên thơ và gợi cảm. Nhà thơ Xuân Diệu có lần đã cho rằng đọc bài thơ Tây Tiến như ngâm âm nhạc trong miệng.

Theo Lâm Bình:

"Những câu chuyện xung quanh Tây tiến dưới đây được chính nhạc sĩ Quang Vinh - con trai cả của cố nhà thơ Quang Dũng - hiện sống tại Thái Nguyên, kể lần đầu tiên.

Tây tiến đã “bị” sửa như thế nào?

Quang Dũng tham gia đoàn quân Tây tiến năm 1947 và hành quân lên Tây Bắc với nhiệm vụ phối hợp với bộ đội nước bạn để bảo vệ vùng biên giới Việt Lào.

Tây tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm

Ban đầu, bài thơ được Quang Dũng đặt tên là Nhớ Tây tiến. Ông sáng tác rất nhiều, nhưng không hiểu sao lại trở nên nổi bật với riêng bài thơ này.

Ông Quang Vinh kể lại, nhiều lần, ông thấy cha mình ngồi rất lâu trước một cuốn sổ tay bản thảo về cái títt vồn vẹn có 3 chữ ấy. Có lẽ Tây tiến là một kỷ niệm đáng nhớ nhất trong cuộc đời binh nghiệp của Quang Dũng nên bài thơ thấm đẫm linh hồn đoàn quân hào hoa ngày nào, ông luôn muốn có một sự chỉnh chu đến từng câu chữ.

Cuối cùng, Quang Dũng lấy bút bỏ đi chữ “Nhớ”. Dù còn nhỏ, nhưng ông Vinh cũng buột miệng hỏi sau khi thấy cha “bóp trán” hàng năm trời mà chỉ sửa được vồn vẹn duy nhất một chữ: “Chữ ‘Nhớ’ đâu có ảnh hưởng nhiều đến vần điệu bài thơ sao bố nghĩ gì mà lâu thế?”. Quang Dũng chỉ cười mà rằng: “Tây tiến, nhắc đến là đã thấy nỗi nhớ rồi. Thế nên để chữ nhớ là thừa. Không cần thiết nữa con trai ạ”.

Đến quãng năm 1956, có lẽ vẫn chưa “dứt duyên” nỗi với Tây tiến, một buổi sáng Quang Dũng lại mang cuốn sổ thơ của mình ra “ngâm cứu”. Rồi như cần đến một người tri kỷ, Quang Dũng gọi con trai lại và hỏi: “Con đọc cho bố nghe cả bài thơ rồi cho nhận xét xem nó thế nào”. “Khi ấy tôi còn rất nhỏ” - ông Vinh nói - “mới học lớp 7 nên nào biết cảm nhận văn chương thơ phú nó ra làm sao, thậm chí đọc bài thơ ấy còn thấy hơi... ngang ngang”.

Tuy vậy, nhưng ra về con nhà nòi, ông Vinh cũng “phán” bừa một câu rằng: “Con thấy câu Đêm đêm Mường Hịch cộp trêu người nghe nó cứ “chối” thế nào. Hay bố thay cái địa danh khác vào nghe cho nó hợp chứ Mường Hịch nghe nặng nề quá”.

Thực ra lúc ấy ông Vĩnh chỉ thấy nó có vẻ không vắn điệu lắm với khổ thơ trên, nhưng nghe vậy Quang Dũng ngần ngừ một lát, rồi suy tính thế nào lại mỉm cười nói, thế thì không ổn con trai ạ. Mãi về sau ông Vĩnh mới vỡ lẽ ra cái sự ngần ngừ không ổn ấy bắt nguồn từ một nguyên do, Mường Hịch còn là một địa danh gắn liền với kỷ niệm bất ngờ của cha mình. Trong một lần hành quân, đoàn quân Tây tiến đã dừng chân ở Mường Hịch, gần sông Mã. Người dân nơi đây kể cho Quang Dũng về một con cọp đã thành tinh chuyên bắt người ăn thịt. Rất nhiều dân lành đi rừng đã bị con cọp này vồ mất xác.

Thấy bộ đội có súng nên một số người dân ngỏ lời nhờ bộ đội Tây tiến diệt trừ giúp. Vốn là người gan dạ, khỏe mạnh, mới nghe thế máu mã thượng trong người Quang Dũng đã bốc lên. Ông gọi một số anh em trong đơn vị lại rồi lấy một con lợn trói tại gốc cây làm mồi bẫy, còn bản thân cùng anh em chia nhau nấp đợi hổ về.

Nửa đêm, dân làng nghe thấy mấy tiếng súng vọng lại từ rừng già, rồi sau đó là tiếng hổ gầm điên loạn, gần sáng thì thấy Quang Dũng dẫn đầu một tốp bộ đội hớn hờ tìm về, người ngợm ướt đầm sương.

Mãi sau này người ta mới biết, lúc bị thương con hổ điên cuồng chống trả, Quang Dũng phải nổ mấy phát súng mới kết liễu được nó. Vậy mà cái địa danh đáng nhớ ấy, suốt nửa thì ông Vĩnh cất mắt của cha mình.

Quang Dũng... còn sống

Mặc dù có người cha là cây bút được đánh giá là “nhà thơ mang trong mình dòng máu lãng du vào loại bậc nhất trong thi đàn đất Việt thế kỷ XX” nhưng ông Quang Vĩnh không bao giờ khoe khoang điều đó. Với đám con của mình, ông luôn dặn, ra ngoài đừng bao giờ vỗ ngực là cháu của Quang Dũng cả. Chính vì thế mới xảy ra câu chuyện nực cười.

Đó là khi con gái ông, chị Bùi Phương Lê ngày còn đi học phổ thông, một hôm học đến bài thơ Tây tiến của ông nội. Thực ra, chị Phương đã đọc bài thơ này tới cả trăm lần, đã được cha kể lại cho hàng trăm lần về những kỷ niệm của ông nội trên đường ra trận. Tiết văn học hôm đó, cả lớp học cũng đặc biệt hứng thú với bài thơ.

Học sinh đưa ra rất nhiều câu hỏi về nội dung bài thơ cho thầy giáo. Và để chứng minh mình là người am hiểu, ông thầy hôm đó đã cao hứng kể: Mới tuần trước tôi còn ngồi với Quang Dũng dưới Hà Nội. Rằng câu chuyện về đoạn thơ này, nhà thơ Quang Dũng lấy tú ở đâu, khổ thơ kia lấy cảm hứng chỗ nào. Chính Quang Dũng tâm sự với tôi như thế. Tóm lại là nghe... như thật. Mặc dù rất bản khoăn, nhưng khi đó chị Lê cũng phải sững sờ vì khi đó Quang Dũng đã mất được chục năm. Hết giờ học, chị về kể lại điều đó với ông Vĩnh. Không chỉ riêng ông Vĩnh mà cả nhà đều tròn xoe mắt. Riêng bà Bùi Thị Thạch - vợ nhà thơ Quang Dũng - bây giờ vẫn ở chung với con giai trưởng thì cười độ lượng: “Ông mày làm một bài thơ mà bây giờ thành bất tử. Thế là hơn đứt nhiều người rồi còn gì”.

Tất nhiên, câu chuyện Quang Dũng đột nhiên sống lại trong một tiết văn học của học sinh cấp III đến nay chỉ có gia đình nhà thơ biết và mỗi khi nhắc đến những kỷ niệm về Quang Dũng, bà Thạch vẫn tường thuật lại câu chuyện đó như một cách trách yêu ông chồng tài hoa của mình.

Bài thơ Tây tiến đáng giá bao nhiêu?

Bút tích Tây tiến của Quang Dũng với nét chữ nắn nót như học trò, bây giờ vẫn được lưu giữ tại nhà ông Quang Vĩnh ở Thái Nguyên.

Ông Vĩnh kể, khi mới ra đời, bài thơ này gây được tiếng vang rất lớn bởi khi đó đại đa số chiến sĩ trong đoàn quân Tây tiến là trí thức, học sinh, sinh viên Hà Nội. Nét hào hoa trong từng câu chữ nói về đoàn quân “xanh màu lá” khiến cho không ít thiếu nữ Hà thành có người yêu là lính Tây tiến phải nhỏ lệ.

Chính vì vậy, cho đến mãi tận sau này, có lẽ đây là bài thơ duy nhất của người lính miền Bắc được ngay cả những người lính Cộng hòa miền Nam yêu thích chép lại trong sổ tay. Nhiều nhà xuất bản dưới thời Việt Nam Cộng Hòa cũng cho in hàng loạt.

Mỗi lần in xong, không biết bằng cách nào, nhưng họ đều gửi sách biếu đến tận nơi. Tuy nhiên, để tránh những hiểu lầm, Quang Dũng đều mang đốt sạch.

Sau này khi đất nước thống nhất, bỗng một hôm gia đình Quang Dũng nhận được một lá thư gửi đến từ địa chỉ không quen biết. Nội dung trong thư là chuyện của một tỷ phú đất Sài Gòn. Giống hệt như trong Chữ người tử tù của nhà văn Nguyễn Tuân, ông tỷ phú nọ ngỏ lời mời Quang Dũng vào Sài Gòn chơi một chuyến để ông ta được ngồi cùng đàm đạo.

Trong thư, ông tỷ phú tha thiết đài thọ toàn bộ mọi phí tổn chuyến đi, những mong Quang Dũng vào đó và tự tay chép tặng ông ta bài thơ Tây tiến để ông ta treo tại bàn làm việc. Lẽ ra với một người hâm mộ thơ của mình như thế thì có lẽ cha tôi cũng đã “chẳng phụ một tấm lòng tri kỷ trong thiên hạ” - ông Vĩnh kể.

Thế nhưng, cuối lá thư, ông tỷ phú nọ lại “dại dột” tái bút: Nếu được ông chiếu cố vào viết tặng cho bài thơ Tây tiến thì thù lao chí ít cũng phải là một chiếc Honda. Ngoài ra, nếu ông có thể tặng thêm cho vài câu thơ khác thì số quà tặng còn giá trị hơn rất nhiều.

Đọc xong lá thư - ông Vĩnh kể tiếp - cha tôi chỉ cười nhạt mà rằng: “Văn chương chữ nghĩa rề rúng đến thế ư?”. Rồi có lẽ câu chuyện gạ “bán thơ” ấy ông cũng quên khuấy mất trong mớ ngẫu sự thường ngày.

Bằng chứng là sau năm 75 khi có dịp vào Sài Gòn thăm chị gái, ông cũng chỉ ở rịt trong nhà chẳng đi ra đến ngoài. Duy nhất có một lần bà chị gái ép Quang Dũng đi chơi phố thì ông nhất định đòi phải cải trang ăn mặc thành một tay chơi đất Sài Gòn rồi mới chịu bước chân ra đường. Ấy thế mà vẫn có người nhận ra.

Lần đó Quang Dũng đứng chọn sách trong một tiệm bán văn hóa phẩm, một người đàn ông trung niên đi ra bỗng vỗ vai ông hỏi: “Ông có phải Quang Dũng - tác giả Tây tiến không, tôi nhìn giống bức ảnh trong cuốn sách ở nhà lắm”. Ông Vĩnh kể, không hiểu cha tôi học tiếng Nam khi nào mà ông trả lời ngay: “Ông nhầm rồi, tôi ở Bạc Liêu mới zô”.

Ông Vĩnh nói vui: Có lẽ cha tôi lại sợ có người gạ “bán thơ” nên mới không dám nhận như thế. GS Hoàng Như Mai cũng kể lại: “Sau giải phóng, tôi vào Sài Gòn giảng bài, có đọc sách báo cũ. Về Hà Nội, tôi bô bô với Quang Dũng: Này ông, ở Sài Gòn họ ca tụng ông ghê lắm. Quang Dũng vội xua tay: “Thôi xin ông, ông đừng nói với ai nhé”.

Mặc dù “giàu thơ” như thế, nhưng Quang Dũng lại có cuộc sống hết sức đạm bạc. Bà Thạch, vợ nhà thơ nhớ lại, năm 1960 có một phái đoàn Văn hóa nước ngoài sang Việt Nam cứ nhất định đòi đến thăm tư gia tác giả Tây tiến.

Căn nhà bé tí tẹo của ông ở 91 Lý Thường Kiệt lại... hơi tồi tàn nên cơ quan “tạm” chuyển ông tới 51 Trần Hưng Đạo, nay là trụ sở Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, cho đẹp mặt. Có lẽ muốn giữ thể diện cho những nhà thơ Việt Nam trong con mắt khách nước ngoài nên Quang Dũng đành chấp nhận màn kịch ấy.

Ngay cả đến khi bị liệt, Quang Dũng cũng dạo chơi phố phường Hà Nội lần cuối trên chiếc xe lăn do bạn bè nước ngoài gửi tặng. Cho đến tận những ngày cuối đời nhà thơ hào hoa này vẫn chọn cho mình một cuộc sống thanh bạch...".

Cha tôi Bùi Phương Thảo

Thu! Với những lá vàng lác đác rải thảm trên cỏ xanh ven hồ.

Thu! Với chóm heo murray mưan mác gọi kí ức. Và đấy thôi, mưa lê thê, mưa ngày này qua ngày khác, có những lúc cảm thấy mưa không thể dừng.

Có một đêm mưa thu đã trở thành kỉ niệm không quên với tôi. Cái đêm cũng chợt mưa chợt tạnh, cái đêm mà tôi vĩnh viễn mất đi một tình yêu, một con người thân thuộc quá đối với mình: cha tôi. Dẫu là sự thực mà khó dễ tin ngay. Cha nằm đấy, mái tóc bông bênh trắng nh một dải mây vắt ngang đỉnh Ba Vi. Đôi mắt khép nhẹ không che dấu nỗi nỗi đam mê hoang dại của những ngày trai trẻ rong ruổi trên thân ngựa. Thân hình vạm vỡ là thế, giờ quá bé nhỏ trong khuôn áo liệm lạnh một màu tang tóc. Tôi chỉ còn đoán được những lời cha dặn dò qua hai giọt nước mắt yếu ớt lặn trên gò má, vì đã hai năm rồi, cha bập bẹ mãi mà có thành câu nào?

“ Con hãy cố gắng trở thành một con người. Còn được sống là điều hạnh phúc nhất. Hãy vượt qua tất cả bằng nghị lực của mình.”

Kí ức không lặng lẽ gặm nhấm mà ồn ào phẫn nộ tấn công tôi từng giờ, từng ngày, từng trang sách, từng đoạn phố... chúng xô đẩy khiến có lúc tôi tưởng sẽ quy ngã vì không chống đỡ nổi. Mới ngày nào, khi còn là cô bé bầy tuổi, đi công tác hay đi nghỉ bỏ thường cho tôi bám theo. Không đi được thì bao giờ về, trong túi áo của bố cũng có một vài cái bánh, một vài cái kẹo phần bố không ăn mà dành cho con gái út.

Nhà ở gác ba, mùa lạnh thì quá mát, mùa nóng thì quá ẩm, bố có những sáng kiến thật hay: “ Nào cả nhà ra đây- cứ như bố đang chỉ huy trận đánh- thằng Thuận nằm chéo trong cùng, đến cái Hạ, cái Thảo, tôi và mợ nó nằm ở ngoài rìa.” Quen với vô số bất ngờ của bố, chúng tôi răm rắp thi hành. Mợ tôi thì àm ừ:” Ông định giờ trò gì đấy?” nhưng cũng nghe theo và chúng tôi hé mắt theo dõi. Bố lấy cái ghế đầu cao đặt ở góc nhà phía cửa ra vào và đặt cái quạt để gang 35 đồng lên trên. Bố tôi bảo: “ Nằm chéo đi như thế này ai cũng được mát vì cả nhà chỉ có một cái quạt, còn tôi dùng quạt nan cho tiện và rèn luyện các khớp tay dẻo dai để còn viết lách...”

Sáng ra, bố thường dậy sớm từ ba, bốn giờ, khế khàng mang đôi thùng ra tận đầu chợ Đuối lấy nước rồi gánh lên gác ba. Hàng xóm cứ bảo: “Ông chiều vợ con quá!”. Bố chỉ cười nói: “Tôi rèn luyện cho khỏe, vả lại tôi to lớn nhất nhà.” Hình như bố cho việc viết văn là nhẹ lắm nên bố còn dành cả việc đi mua dầu đun cho cả gia đình. Thật không may lần ấy, toàn bộ phiếu mua dầu của nhà bị móc túi mất. Xách cái can về không, bố khổ sở mất mấy hôm và từ sau hôm đó, khi ra công viên tập về là trên tay bố lại có mấy cành củi khô, ít lá khô được buộc gọn ghề: “Con đưa cho mợ dóm bếp.”. Rồi bố lại có phát minh mới: “ Bà nó chặt cái ghế này ra đun tạm, tôi ngồi ở giường viết được rồi..”Cứ thế, ghế và bàn viết của bố thường xuyên phải cơ động, lúc ở trên giường kê một chồng sách làm bàn, lúc ở trên gác thượng viết lên bậc cầu thang cuối cùng....

Năm tháng qua đi, chúng tôi dần lớn lên. Anh thứ ba đi bộ đội đã sắp được giải ngũ, chị gái tôi đã vào Lâm Đồng dạy học, còn tôi, bố cũng muốn tôi trở thành cô giáo dạy cấp I. Tốt nghiệp xong, tự tay bố dắt tôi đi vào con đường làng Vĩnh Quỳnh, nơi đầu tiên tôi đứng trên bục giảng, bố nói: “Bố muốn con trưởng thành từ một cô giáo cấp một.”. Lúc ấy, cha hiểu hết ý nghĩa của việc trở thành một cô giáo sẽ thế nào, nhưng tôi luôn nghe theo nhận xét và gợi ý của bố. Ngày đầu tiên tiếp xúc với lũ học trò lớp ba làng Vĩnh Quỳnh nói ngọng thành thần, thật thú vị. Cứ tưởng chúng thưa là : “Em bị hóc.” hóa ra là :” Em khóc.”. Và rồi cái tên cậu học trò đầu lớp thật sự gây kinh hãi cho tôi: Đinh Công Bom! Thật là tên với tuổi, đang bí lời, như chợt nhớ ra điều gì tôi liền nói: “ Các em thật sung sướng vì bây giờ không phải học dưới bom đạn như các cô ngày trước.”Làm sao chúng hình dung ra học dưới bom đạn là thế nào?. Vâng, bằng tuổi chúng bây giờ, tôi đã phải ngồi im, có lúc nín thở, ôm chặt lấy tấm lưng to như núi(hồi ấy thì đúng như vậy) của bố, chậm chạp từng nhát, bố đạp chiếc xe nam một gióng đèo tôi từ Hà Nội về nơi nhà xuất bản Văn học cha tôi đang công tác , sơ tán ở Đường Lâm với linh kính mắt, muối.

Lần ấy, mãi chập tối, hai bố con mới qua gần chùa Thầy là đoạn đường đồn đại có nhiều cướp. Lúc qua cánh đồng vắng vẻ, bố chợt dừng xe bảo tôi ngồi sụp xuống vệ đường và dựa xe ngã

dạt vào vạt cây gần đó, khóa lại. Tôi ngờ ngác chưa hiểu chuyện gì thì thấy bố ngó nghiêng một dạo rồi rút đánh xoạt cây gậy tre nhỏ buộc ở gióng xe, khởi động một hồi rồi múa bài võ lạ mắt mà cho đến bây giờ tôi chỉ nhớ là võ Tàu. Vừa xua muối, tôi vừa tròn mắt nhìn bố. Hết bài, bố hít hà vài cái rồi lại gần tôi nói khẽ: “ Ngồi yên ở đây, bố xuống dưới kia một tý nhé...” Mãi sau này, khi nhắc lại “*chuyện ấy*”, cả hai bố con tôi lại cười vang. Còn tôi lại nghĩ: “ Hôm ấy mà có c- ược thật không biết bố xoay sở thế nào!”.

Khi trở lại Hà Nội, bố thường xuyên lên gác múa kiếm. Một khu công viên thu nhỏ trên gác cũng đủ cho bố bao cảm hứng để viết và sống. Những giò phong lan mường hương rùng về với căn gác nhỏ và dới kia, mấy chuông thổ đang nháo lên chờ cỏ mặt từ tay ông chủ tốt bụng.

Xuân, Hạ, Thu, Đông nói nhau mà đi, cho đến ngày bố đi theo chị Bùi Phương Hạ vào Lâm Đồng và ham muốn viết về ngô lai Mêhicô. Căn bệnh tai biến mạch máu não hành hạ Người suốt hơn một năm . Tay đã run không viết nổi một dòng thư thẳng thắn cho bác Trần Lê Văn mà chỉ nguệch ngoạc vài dòng. Mắm tôm chưng và rau ngót là bữa ăn thường xuyên của hai bố con. Nhận được tin bố ốm, hai mẹ con tôi lặn lội vào để đón bố ra Hà Nội. Hơn 10 km đường rừng đi bộ đêm không làm tôi sợ hãi, tôi cầm đầu mà đi mong sao chóng gặp bố. Không thể tin ông già râu tóc bạc trắng với đôi mắt mệt mỏi, uể oải, lại còn chiếc mũ lá sồn tua tủa và đôi dép cao su lỏng quai chốc lại phải rút lại, chiếc quần ngắn ngang ống chân (để tránh cỏ may) và chốt lại cuối cùng là cái batoong cũ kĩ bám đầy đất đỏ, một bình toong nước vắt chéo dây qua vai đứng kia: là bố tôi, nhà thơ Quang Dũng mà tôi đã ngấm ngấm trở thành độc giả yêu thơ của ông. Trông ông không khác gì một già làng Kờ Ho(Lâm Đồng). Tôi xúc động chạy lại với bố. Chị Hạ kể cho tôi nghe, đêm xuống, bố hay chống gậy đi ra ngoài lán lang thang. Có hôm gần sáng mới trở về. Ngay đêm ấy thôi, hai chị em tôi thoáng cái không thấy bố, bỏ nhào đi tìm. Đã có kinh nghiệm của bố, tôi thủ một cái gậy nhỏ vào ống tay áo còn chị Hạ cầm một mũi dao nhỏ trong tay. Hai chị em đi dọc mãi ra bìa rừng mới thấy bố nằm sóng soài ở lưng dốc Bà Mão, hôm qua trời mưa, đường trơn như bôi mỡ, bố quen chân đi và ngã không tự dậy được nữa.

Chuyến tàu đi nhanh ra Hà Nội. Ngồi trên tàu, bố không quên mang theo một mũ lá đựng đầy bắp ngô lai to bằng bắp tay và vẫn ao ước viết xong bài về giống ngô lai này.

Đêm mùa thu định mệnh ấy đã đến. Sau 4 năm vạt vĩa trên giường bệnh, bố đã ra đi mãi mãi khi tôi chợt hiểu về bố hơn lúc nào. Giờ đây mỗi lần nhớ về bố Quang Dũng, tôi vẫn ở trong một tâm trạng đợi chờ....Tiếng xe đạp lách cách, quen thuộc dưới cầu thang và bố tươi cười xuất hiện ở ngưỡng cửa, rút từ túi áo một chú thỏ trắng muốt với đôi mắt như hai viên hồng ngọc lấp lánh....

“ Bố ơi, con mong mãi mà cha nhận được món quà cổ tích của bố. Dẫu vậy, con vẫn chờ và biết đâu, vô thức, con đang đặt bước chân đầu tiên lên con đường bố đã đi...”

Mùa thu 1994

Đôi mắt người Sơn Tây

Em ở thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi
Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vi

Vàng trán em mang trời quê hương
Mắt em diu diu buồn Tây phương
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em đã bao ngày em nhớ thương?

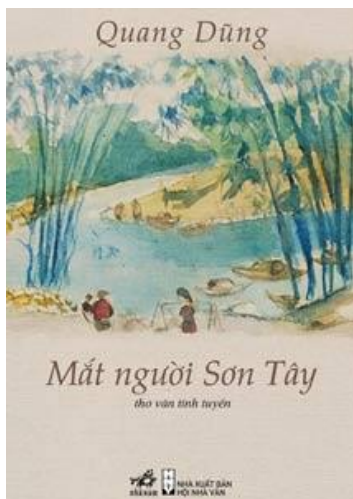
Mẹ tôi, em có gặp đâu không
Bao xác già nua ngập cánh đồng
Tôi nhớ một thằng con bé nhỏ
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông!

Từ độ thu về hoang bóng giặc
Điều tàn ôi lại nói điều tàn!
Đất đá ong khô nhiều suối lệ
Em đã bao ngày lệ chứa chan?

Đôi mắt người Sơn Tây
U ẩn chiều lưu lạc
Buồn viễn xứ khôn khuây
Tôi gửi niềm nhớ thương
Em mang giùm tôi nhé
Ngày trở lại quê hương
Khúc hoàn ca rớm lệ

Bao giờ trở lại làng Bương Cấn
Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng

Bao giờ tôi gặp em lần nữa
Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca
Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta?



Đôi bờ

Thương nhớ ơ hờ , thương nhớ ai ?
Sông xa từng lớp lớp mưa dài
Mắt kia em có sầu cô quạnh
Khi chớm heo về một sớm mai

Rét mướt mùa sau chùng sắp ngượng
Bên này em có nhớ bên kia
Giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến
Quạnh vắng chiều sông lạnh bên tế

Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa
Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ
Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ

Xa quá rồi em người mỗi ngã
Bên này đất nước nhớ thương nhau
Em đi áo mỏng buông hồn tủi
Dòng lệ thơ ngây có dạt dào?

Đôi mắt người Sơn Tây – nàng là ai? Nguyễn Duyên



Tranh phác họa
Chân dung người Sơn Tây

Bài thơ “Đôi mắt người Sơn Tây” của Quang Dũng, được người yêu thơ thuộc nằm lòng. Quang Dũng là nhà thơ thời tiền chiến có nhiều bài thơ hay, trữ tình như : Tây Tiến, Đôi bờ.. nhưng Đôi mắt người Sơn Tây là một bài thơ được nhiều người ái mộ. Bài thơ như nói lên cuộc gặp gỡ đượm màu chia ly giữa nhà thơ với người con gái trong thời loạn lạc, một thoáng quen nhau và chia tay già biệt – một cuộc tình buồn ngán ngùi:

*Em ở thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến mới ra đi*

*Cách biệt bao lần quê Bất bặt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vi*

Như vậy người con gái này chắc hẳn ở Sơn Tây, và đã gặp nhà thơ? Nhưng nàng là ai, tên gì, làm gì, ở đâu? Nhiều giai thoại cho rằng Quang Dũng quen người con gái Pháp (vì có câu “*Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương*”?) nhưng Tây Phương cũng là địa danh của tỉnh Sơn Tây ngày ấy (nay là tỉnh Hà Tây) với ngôi chùa Tây Phương nổi tiếng (bài thơ Mười hai vị La Hán ở chùa Tây Phương của Huy Cận).

Trong lịch sử thi ca đã có nhiều thiếu nữ làm ngân nga bao người thường ngoạn, luôn cả các văn nhân thi sĩ như chuyện của nàng T.T.Kh tác giả bài “Hai sắc hoa Tigôn”, hay hình ảnh người con gái trong “Tống biệt hành” của Thâm Tâm (*...Em nhỏ thơ ngây đôi mắt biếc- gó tròn thương tiếc chiếc khăn tay...*) đã làm các nhà phê bình tốn bao nhiêu giấy mực. Thời kháng chiến ngoài những bài thơ trữ tình kể trên, Quang Dũng còn có những bài thơ khác cũng hay như bài Những Làng đi qua:

*Những làng trung đoàn ta đi qua
Tiếng quát dân quân đầu vọng gác
Vàng vọt trắng non đêm tháng chạp
Nùn rơm khói thuốc bạch đầu quân*

Quang Dũng là người đa tài, có thời gian nhà thơ sống bằng nghề vẽ tranh, làm nhạc công cho gánh hát... Trong kháng chiến, có lần Quang Dũng tham dự cuộc triển lãm hội họa với bức tranh tựa đề: Góc Bàn. Ông còn soạn cả nhạc nữa, bài “*Ba Vi mờ sương*” được nhiều người hát trong thời kháng chiến:

*Ba Vi mờ cao
Làn sương chiều xa buông
Gió về hương ngát thơm
Đưa hồn về đâu ...?*

Trở lại chuyện Người con gái Sơn Tây, theo nhạc sỹ Phạm Duy (bạn học của Quang Dũng ở trường Thăng Long Hà Nội - Quang Dũng ngồi sau Phạm Duy hai hàng ghế, người to con nhưng rất hiền) kể lại, lúc Quang Dũng còn là đại đội trưởng trung đoàn Tây Tiến đóng quân ở Hoà Bình. Vừa được nghỉ phép, về thăm gia đình ở Phùng thuộc tỉnh Sơn Tây, anh tạt qua nơi có tên là kinh Đào ở gần chợ Đại, thăm *người tình cũ tên là Nhật*. Người tình này, còn có một mỹ danh nữa là *Akimi*, nàng có hàng cà phê trong vùng cách mạng mà ông thường hay ghé uống. Nàng chính là người đẹp Sơn Tây, nguồn cảm hứng dạt dào cho Quang Dũng viết bài *Đôi mắt người Sơn Tây*, ông đã tặng nàng bài thơ có câu :

*Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em đã bao ngày em nhớ thương*

Akimi Nhật sống cùng mẹ, trong cái quán nước đơn sơ này, nhà thơ thường hay lui tới, có lần Quang Dũng sáng tác ngay một bài thơ ca ngợi nàng và dán lên vách nữa:

*Tóc như mây cuốn, mắt như thuyền
Khuấy nước kênh đào sóng nổi lên
Ý nhị mẹ cười sau nếp áo
Non sông cùng đắm giấc mơ tiên...*

(đây là bài thơ mới phát hiện sau này do chính bà Nhật – định cư ở Hoa Kỳ cung cấp). Qua thơ, người thường thức vẫn thấy một bóng hình đẹp, lãng mạn của người con gái, tuy rằng không thấy mặt...?. Có lần Phạm Duy cùng Quang Dũng đi xe đạp về chợ Neó, hai người chạy

song song trên đường làng..Thi sĩ kể về mối tình của mình với người đẹp Akimi và đọc lên bài thơ tặng nàng:

*Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai
Sông kia từng lớp lớp mưa dài
Mắt kia em có sầu cô quạnh
Khi gió heo về một sớm mai
(Đôi bờ)*

Sau này, chiến tranh lan rộng, Akimi theo mẹ về thành bỏ lại người xưa...tan vỡ một mối tình....Tới 1954, nàng di cư vào Nam, sống ở Sài Gòn,một thời là kiều nữ của nhà hàng Tự Do, đến 1975 sang Mỹ định cư. Nàng đi để lại cho Quang Dũng một nỗi nhớ ơ hờ chỉ biết:

*Bên này đất nước nhớ thương nhau
Em đi áo mỏng buông hờn tủi
Dòng lệ thơ ngậy có dạt dào...*

Bài thơ càng nổi tiếng ở Miền Nam, khi cố nhạc sỹ Phạm Đình Chương phổ nhạc. Có người ngạc nhiên khi thấy ông phổ một lượt tới hai bài thơ trong đó: đoạn đầu ad lib lại lấy Đôi Bờ, phần sau là phần chính, phổ từ bài Đôi mắt người Sơn Tây, rất hiếm trong âm nhạc. Chính người đẹp Akimi, là nguồn cảm hứng dạt dào cho những bài thơ bất tử của Quang Dũng và Phạm Đình Chương là người có công đã chấp cánh tiếp cho thơ Quang Dũng bay cao, bay xa mãi trong lòng người...

Đôi mắt người Sơn Tây Phạm Đình Chương.

*Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai
Sông xa từng lớp lớp mưa dài
Mắt em.. ời mắt em xưa có sầu cô quạnh
Khi chớm thu về, khi chớm thu về một sớm mai*

*Đôi mắt Người Sơn Tây
U uẩn chiều luân lạc
Buồn viễn xứ khôn khuây,
Buồn viễn xứ khôn khuây
Em hãy cùng ta mơ
Mơ một ngày đất mẹ
Ngày bóng dáng quê hương
Đường hoa khô ráo lệ*

*Tôi từ chinh chiến đã ra đi
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì
Sông Đáy chậm nguồn quanh phủ Quốc
Non nước u hoài, non nước hao gầy, ngày chia tay*

*Em vì chinh chiến... thiếu quê hương
Sài Sơn , Bương Cấn mãi u buồn
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em có bao giờ, Em có bao giờ,,,
,,,Em.... thương nhớ.... thương
(điệp khúc)... Em hãy cùng ta mơ
Mơ một ngày đất mẹ*

Ngày bóng dáng quê hương
Đường hoa khô ráo lệ

Đôi mắt Người Sơn Tây Đôi mắt Người Sơn Tây
Buồn viễn xứ khôn khuây,

Núi Bà Đen, tháng mưa lũ – 2007

Ngôi nhà Quang Dũng ở Sơn Tây Phan Lạc Tiếp

I.

Quang Dũng, từ trước tới nay vẫn được biết đến là một nhà thơ Sơn Tây. Anh đã mang hình ảnh của Sơn Tây vào đầy ắp những thi phẩm của mình. “Em từ thành Sơn chạy giặc về - Tôi thấy xứ Đoài mây trắng lắm - Cách biệt bao lần quê Bất Bạt, Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì - Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn. Về núi Sài Sơn ngắm lúa vàng ...” Nhưng thực ra quê hương Quang Dũng không phải là Sơn Tây, mà là Hà Đông. Quang Dũng đã lớn lên trong căn nhà nằm ở ven con đê Hiệp, thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông. Đúng như thế. Nhưng tại sao trong thơ của Quang Dũng lại chỉ nói đến Sơn Tây mà ngược lại không tìm thấy hình ảnh nào của Hà Đông cả. Để hiểu nguyên nhân trên, có lẽ phải lấy Hà Nội làm khởi điểm.

Hà Nội có năm cửa ô, hướng về năm ngả. Nếu Bến Nứa qua cầu Long Biên để sang Bắc Ninh, Ngã Tư sở để đi Hà Đông thì Cầu Giấy để đi Sơn Tây. Và đúng giữa con đường Sơn Tây - Hà Nội là Đan Phượng, quê hương của Quang Dũng. Do đó, mặc dầu về hành chánh, Đan Phượng thuộc Hà Đông, nhưng nó nằm trên con đường về Sơn Tây, nên ấn tượng về Sơn Tây đã có sẵn trong lòng mọi người khởi hành từ Hà Nội. Hơn thế nữa, Đan Phượng, mặc dầu thuộc Hà Đông, nhưng lại là nơi giáp ranh với Sơn Tây vì Hà Đông và Sơn Tây được phân cách bằng con sông Đáy. Mà sông Đáy thì cạn, mùa nắng, sông Đáy người đi chợ có thể lội qua, các dải cát có lẽ chỉ làm đôi bàn chân các cô thiếu nữ hơi nóng lên một chút, để đi cho mau. Vậy thôi, sông Đáy không là ngăn cách nào đáng kể. Và ngay cả mùa nước lớn, sông Đáy cũng không sao vì nước từ Hồng Hà cuộn cuộn đổ về đã có đập cầu Phùng chặn lại. Chỉ trừ khi đáy vỡ, đê vỡ sông Đáy mới gây nên sự cách biệt giữa Sơn Tây và Hà Đông ở đoạn khởi nguồn (vì ở hạ lưu thì khác, sông Đáy khá sâu và khá lớn).

Đó là xét về yếu tố hành chánh và địa dư. Nhưng trên thực tế, người dân Đan Phượng đã kể mình như người Sơn Tây. Vì ở đó mọi người như đã hít thở cái không khí từ Sơn Tây thổi về, đêm nằm nghe tiếng sông Hồng cuộn cuộn chảy vào những mùa nước lũ, hoặc trong những đêm thanh vắng, nghe nước êm đềm chảy giữa những bãi nứa bên ven sông Đáy, Quang Dũng sinh ra và đã lớn lên ở đó, nên anh đã cảm xúc và mang hình ảnh của Sơn Tây vào trong tác phẩm của mình.

II

Để hiểu rõ hơn, có lẽ phải vào thăm căn nhà của Quang Dũng một lần cho biết. Tôi xin bắt đầu thế này. Cách đây hơn hai mươi năm, tôi từ Nứa mới tề (*), ra Phùng để đón anh tôi từ Hà Nội xuống. Qua cánh đồng làng, lên con đê Hiệp, qua một bãi dâu và nhiều ruộng mía, lội qua con sông Đáy cạn leo lắt một dải nước trong, tôi đã nhìn Phùng với một niềm xúc động lớn. Vì Phùng (hay Đan Phượng cũng thế), từ nhiều tháng qua đã là mối khiếp hãi của vùng tôi. Phùng có khẩu trọng pháo lớn rót vào các vùng phụ cận, Phùng phát xuất những cuộc hành quân càn quét bao quanh. Vậy mà bây giờ tôi đang bước đến Phùng. Nhưng ở đó sẽ có anh tôi từ Hà

Nội xuống, có tin tức của thầy tôi và cả nhà bác tôi nữa Vui mừng lẫn lo sợ tràn ngập trong lòng. Khi trèo lên con dốc cao đầy những đá tai bèo của con đê Phùng, tôi đã được hướng dẫn tới một căn nhà ngay cạnh chợ. Ở đó có cửa hàng đại lý gạo, muối Đó là nhà cụ Tổng. Vừa bước vào nhà, tôi đã nghe thấy tiếng anh tôi hát vòng vọng từ trong rạ Bước xuống ba bậc thềm, vào cái sân lát gạch Bát Tràng đỏ tía, mát lạnh cả chân, tôi đã thấy anh tôi mặc đồ tây, đứng trên bậc cửa căn nhà khách. Anh em tôi đã đoàn tụ sau bao nhiêu tháng tản cư lưu lạc tại đó. Tôi đã bắt đầu cởi bỏ bộ quần áo nâu vùng giải phóng để ra Hà Nội học lại, tại đó. Và cả sau này nữa, cái bến nghỉ chân của tôi mỗi lần từ Hà Nội về quê chơi, cũng tại đó: Nhà cụ Tổng - Phùng. Và chính là căn nhà của Quang Dũng.

Phải rồi, ở trên tôi đã nói về căn nhà ấy từ khi bước vào tới cái sân nhỏ giữa hai căn nhà. Tôi xin kể tiếp. Căn nhà khách phía bên trái gồm có hai phòng lớn. Một phòng nhỏ ở đầu nhà. Khi ấy căn nhà đó đã được lệnh tiêu thổ kháng chiến, phải phá đi từng gác, nhưng những đờ lim tím đen còn để nguyên. Căn nhà ngoài cùng có cửa lớn ăn ra ngoài lộ đã đóng kín. Tôi đã nằm những ngày chủ nhật trong căn buồng này. Ngửa mặt nhìn lên, chỉ thấy ngói phơi màu hồng mốc trắng và những mảng mạng nhện giăng mắc khắp nơi Tường với màu xanh đã nhạt. Ở một góc tường cao, nếu đứng từ trên sàn gác, thì vừa tầm tay, có một bức tranh vẽ lên tường. Cao quá, và bụi quá, tôi không nhìn rõ, và lại bây giờ tôi cũng đã quên lấp đi nhiều, tôi không biết bức tranh ấy vẽ hình ảnh gì. Hình như cảnh một buổi chiều nào đó trong vườn cây Cụ Tổng (mẹ của Quang Dũng) bảo, của anh Diệm (**) anh ấy vẽ đấy. Và còn một bức nữa ở trong căn buồng ở đầu nhà, cũng đại khái như vậy Căn buồng này chị H. ở nên tôi không dám vào thăm. Căn buồng đó có một khuôn cửa sổ mở ra sân sau Sát đó là một bể nước mưa lớn. Từ căn buồng này có thể nhìn ra bãi mía bên kia con ngòi sát nhà, và thấy núi Ba Vì ở mãi tận phía xa Căn buồng ấy ngày xưa anh Diệm (tức Quang Dũng) đã ở. Có lẽ căn buồng này, khuôn cửa sổ này đã là con tim, và đôi mắt người thơ hướng về Sơn Tây, hít thở cái không khí của Sơn Tây, và sau này mang các hình ảnh của Sơn Tây vào thơ.

Ở cái sân sau đó, rộng thênh thang. Có cây lựu ở sát bể nước. Một cây đu đủ rất nhiều trái. Và ở góc vườn kia có một cái chuồng gà. Và cũng ở khoảng sân đó, buổi chiều, tôi đã ngồi với L. (em trai của Quang Dũng), nhìn nước chảy dưới chân, gió mát lâng lâng từ đâu xa lướt trên ruộng mía thổi về. Và cũng từ đó tôi cũng đã thấy Ba Vì in lên nền trời xanh thẳm có mây vờn lên đỉnh cao. Và cũng từ đó, những khi đêm xuống, tôi đã cùng cụ Tổng, chị H., chị Đ., và L. đếm từng tiếng đại bác từ đồn Phùng bắn đi, rồi cùng lắng nghe tiếng nổ âm vọng lại từ nơi nào xa thẳm trong kia Ở đó, biết có anh Diệm không. Những đêm như thế, cụ Tổng thường thấp nhang trên bàn thờ ở ngoài sân cầu Trời Phật phù hộ độ trì cho anh Diệm. Nhất là sau này, anh rồi cũng lại phải động viên, mỗi lần tôi về quê, ở nán lại Phùng chơi với L., cụ Tổng lại thêm xót xa Cụ thường nói "Anh em đứa bên này, đứa bên kia, giữa trận mạc nếu gặp nhau sao mà nhận mặt". Những lúc như thế, chị H. thường dẫn cụ Tổng vào nhà, thế nào cụ cũng mệt, thờ đốc và họ

III

Cũng thời gian này, thời gian cuộc chiến đang mãnh liệt và đang hồi kết thúc, lâu lâu tôi lại được tin người từ ngoài về nói với cụ Tổng mua cho anh Diệm cái đồng hồ, cái bút máy, hay các vật dụng cần thiết khác. Và cũng chính thời gian đó, tập thơ chép tay của Quang Dũng từ ngoài đó cũng được gửi về.

Tôi đã lật từng trang, đọc từng bài và xem một vài bức vẽ phụ họa Thơ Quang Dũng đã được anh em tôi thích thú từ đó.

Trong những bài thơ của Quang Dũng, có lẽ làm cả nhà xúc động nhất là bài đôi mắt người sơn tây Vì trong đó có nói đến:

"Mẹ tôi em có gặp đâu không.
Những xác già nua ngập cánh đồng.
Tôi cũng có thằng con bé nhỏ.
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông".

Niềm lo âu của Quang Dũng qua những câu thơ trên, đã làm cả nhà thương cảm. Ở trong vùng tề, cụ Tổng và đứa con của Quang Dũng sống tương đối an toàn và sung túc. Riêng cháu Quang Dũng (nhà thơ đã lấy tên con làm bút hiệu), thì ít khi tôi gặp mặt. Thành thạo trong những ngày giỗ chạp, một năm đôi lần, tôi mới thấy chị Diễm đưa cháu Quang Dũng về thăm nhà. Lúc ấy cháu Quang Dũng độ bảy tám tuổi, mặt mũi rất khôi ngô. Còn chị Diễm, bây giờ tôi không còn nhớ được mặt mũi ra sao nữa. Chỉ biết là một người đàn bà mỏng manh và khá cao. Chị thường mặc áo màu nâu, buồn. Tôi chưa lần nào tiếp chuyện với chị. Tôi có cảm tưởng thật khó nói, buồn buồn khi nhớ lại hình ảnh của chị. Chị như một cái cây, tự lấp mình đi trong giữa đám rừng. Sự lặng lẽ, cô đơn như đã bủa vây thật chặt, thật kín, làm chị không còn gần gũi được với ai. Tôi cũng không được nghe, không được biết anh Diễm đã lấy chị trong trường hợp nào. Cả trong những bài thơ của anh, tôi cũng chưa thấy có dòng nào nói đến người vợ đáng thương này..

IV.

Sau này khi cụ Tổng và cả gia đình vào Nam, tôi có lại thăm mấy lần ở miệt nhà thương Cộng Hòa Lôi mà cụ Tổng nói với chúng tôi là: "Hôm anh Diễm về, có hai người đi kèm. Anh chỉ nói với mẹ một câu ngắn rằng mẹ đi đi Thế thôi". Thế là hết, bao nhiêu năm chờ đợi, bao nhiêu năm thương nhớ giữa mẹ con tưởng sắp đoàn tụ, bỗng lại phải chia lìa. Từ đó cụ Tổng cứ buồn bã, yếu đi rồi mất. Cho đến hôm nay, cụ mất có lẽ đã hơn mười năm.

Tôi ngồi viết lại những giòng này trong sự bùi ngùi và nhớ tiếc. Xin cho tôi được coi những hàng chữ này như những nén hương dâng lên cụ Tổng. Xin cho tôi được gửi chị H, L và các cháu những lời thăm hỏi. Phải không chị H. Bên căn nhà ngang, tụi em quên thế nào được những bữa cơm giản dị, mà thật ngon, nhất là món thịt xốt cà chua. Rồi những ngày ở Hà Nội nữa. Thấp thoáng mà đã mấy chục năm qua Mau quá hả chị H? Cháu Dũng chắc đã lớn lắm rồi. Biết nó có phải vào Nam đánh nhau không. Cuộc đời cứ lẩn quẩn mãi trong vòng oan nghiệt của chém giết này. Biết bao giờ cho dứt. Biết bao giờ tụi mình được trở về Sơn Tây, ngồi ở khoảng sân sau, nhìn qua bãi mía, thấy núi Ba Vì ở mãi tận nơi xa ...

Saigon, tháng 11, 1971

Bài Thơ Tây Tiến (Quang Dũng) Viên Linh



Quang Dũng (1965)
Nguồn: Khởi Hành 201 tháng 7.13

Bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng làm năm 1948, một năm sau khi Trung đoàn Thủ đô, hay Trung đoàn Thăng Long, trong đó thi sĩ tác giả là một thành viên, rút khỏi Hà Nội.

Ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp bùng nổ từ Hà Nội, là ngày 19 tháng 12.1946, giữa 8000 thanh niên sinh viên trí thức "Tự Vệ Thành," (*không có đơn vị bộ đội Việt Minh nào*),¹ và 4500 quân Pháp, là trận đánh của những trí thức yêu nước của Thủ đô chống lại sự trở lại của thực dân Pháp, do bản ký kết của ông Hồ với Pháp ngày 6 tháng 3.1946, gọi là Hiệp định Sơ bộ. Theo Hiệp-định này, Chính phủ Liên hiệp Quốc gia đồng ý cho Pháp thay quân Tàu như là đại diện Đồng Minh, vào Bắc Việt Nam tới vĩ tuyến 16 giải giới quân Nhật. Sự việc xảy ra một mặt là do Pháp vận động để được trở lại tiếp tục đô hộ Việt Nam, và mặt khác, do ông Hồ muốn nắm giữ quyền hành để có tiêu diệt các đảng phái quốc gia yêu nước.²

Quang Dũng là anh của bốn cô em gái, một em trai, trong có một em gái và một em trai vào Nam năm chia cắt đất nước 1954, cùng bà mẹ. Người cha, cụ Tú Khuê còn là chánh tổng, dân làng gọi là cụ Tổng. Thuở niên thiếu ra trường thay vì đi dạy học, Quang Dũng lại đi làm xếp ga ở nhà ga Yên Bái, và chính trong thời gian này ông gia nhập Quốc Dân Đảng, khiến Pháp đã về tận làng Phùng tìm bắt ông, song không kết quả.

Trong thời gian ấy, các thanh niên hoạt động hội kín thường được tiếp tế bởi các bạn hữu đồng chí hướng, một trong những người bạn đó là Bùi Thị Thạch, sau này là vợ thi sĩ. Đầu thập niên '40, các thành viên QĐĐ bị lùng bắt giữ, Quang Dũng chạy qua Tàu.

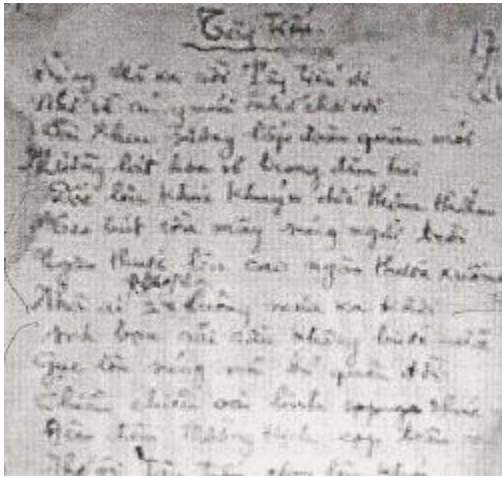
Được QĐĐ Trung Hoa hỗ trợ, thanh niên Bùi Đình Diễm vào học quân sự tại Trường Quân Sự của QĐĐ, sau được bổ làm Doanh trưởng Phủ Khai Phóng, tỉnh Vân Nam. Năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng Minh, quân Tưởng Giới Thạch được Đồng Minh ủy thác từ Trung Hoa vào Bắc Việt Nam tước khí giới quân Nhật. Trong các nhà cách mạng Việt Nam ở Tàu theo Tướng Lữ Hán vào Hà Nội có cụ Nguyễn Hải Thần, và thanh niên Bùi Đình Diễm. Theo tài liệu của một bạn thân của Quang Dũng, thì "*Quang Dũng trở thành Ủy viên Quân sự đầu tiên tại Bắc Bộ Phủ, sĩ quan liên lạc với quân đội Trong Hoa.*"⁽³⁾

Trận đánh tại Hà Nội bắt quân xúng, vì Tự Vệ Thành chỉ có súng nhỏ, đa số là gậy gộc, dao mác, trong khi quân Pháp có súng liên thanh, và dùng đến cả xe tăng, hạ ngang nòng súng bắn thẳng vào đám thanh niên, sinh viên trí thức yêu nước. Xin nhắc lại, Bộ đội Việt Minh đã nhận được lệnh của Võ Nguyên Giáp rút khỏi Hà Nội 2 ngày trước khi có lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến.¹

Chưa tới hai tháng, đầu năm 1947, Thanh niên Tự Vệ Thành phải rút khỏi thủ đô, một số chạy qua Tàu lưu vong, một số biến thành binh sĩ dự chiến dịch Tây Tiến, gọi là Trung đoàn Thủ đô, trong có Quang Dũng; ngoài ra để lại trên đất Hà thành 1300 tử sĩ, vừa chết vừa mất tích, và 2500 người bị thương.⁽⁴⁾

Bài *Tây Tiến* của Quang Dũng được thi sĩ viết vào sổ tay, và được anh em chiến hữu lưu truyền rần rần trong Trung đoàn, bằng cách chép lại. Bài thơ rõ ràng không chỉ là tâm sự một thành viên của Trung đoàn, mà là tâm sự của hầu hết trí thức trẻ đã tham gia cách mạng chống Pháp, phải bỏ thủ đô yêu dấu của Đất Nước, của mình, mà đi. *Tây Tiến* trở thành bài thơ bất hủ của những người cầm súng chống Pháp, suốt từ 1946 tới 1954 chia cắt, và cho khắp Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở xuống Cà Mau, vì nó bị cấm ở Miền Bắc, tác giả bị giải ngũ ngay từ tháng 7.1951 do quá khứ Quốc Dân Đảng; và sau đó vì tham gia Nhân Văn - Giai Phẩm, bị tù và bị cấm viết.

Tây tiến



Thủ bút Quang Dũng

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Anh bạn dãi dàu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.
Phù Lưu Chanh, 1948

Quang Dũng phải sống bằng nghề sửa bản in cho báo *Văn Nghệ*. Thơ ông được in ra, được đọc, được ngâm và phổ nhạc tại Miền Nam từ sau 1954, nhưng mãi năm 1986, bài *Tây Tiến* mới được in ra ở Hà Nội cùng các bài khác trong thi phẩm *Mây Đâu Ô*, hai năm trước khi ông từ trần. Lúc tập thơ mang về, thi sĩ nằm trên giường bệnh, không còn đủ sức cầm cây bút lên để ký tặng bạn hữu.

Đọc *Tây Tiến*, người đọc sẽ thấy tâm hồn thanh niên Hà Nội tha thiết và khắc khoải trong từng câu thơ. Song đời sống của các nhân vật trong bài thơ không phải là đời sống của Hà Nội, mà là của những người Hà Nội ở chiến trường Tây Bắc, và núi rừng Tây Bắc, những người bỏ Hà Nội đi chiến đấu trên núi rừng, mà bên kia biên giới là Vientiane, thuộc Lào. Tới khi bỏ Tây Bắc, thi sĩ mới nhớ Chiến dịch Tây Tiến, mới nhớ núi rừng, sương mù, mới nhớ bản mường và đoàn quân mõi, làm bài thơ nhan đề "*Nhớ Tây Tiến*."

Nỗi nhớ này được con trai thi sĩ là Quang Vinh kể lại với một nhà báo, nhà báo này viết lại như sau: "*Nhiều lần, ông thấy cha mình ngồi rất lâu trước một cuốn sổ tay bản khoản về cái tit vòn vện có 3 chữ ấy. Có lẽ Tây Tiến là kỷ niệm đáng nhớ nhất trong cuộc đời binh nghiệp của Quang Dũng nên bài thơ thấm đẫm linh hồn đoàn quân hào hoa ngày nào, ông luôn luôn muốn có một sự chín chu đến từng câu chữ. Cuối cùng Quang Dũng lấy bút bỏ đi chữ "Nhớ."*

Dù còn nhỏ, nhưng ông Vinh cũng buột miệng hỏi sau thi thấy cha "*bóp trán*" hàng năm trời ma chỉ sửa được vòn vện duy nhất một chữ. "*Chữ 'Nhớ' đâu có ảnh hưởng nhiều đến vản điệu bài thơ sao bố nghĩ gì mà lâu thế?*" Quang Dũng chỉ cười mà rằng: "*Tây Tiến, nhắc đến là đã thấy nỗi nhớ rồi. Thế nên để chữ 'nhớ' là thừa. Không cần thiết nữa con trai ạ.*"⁽³⁾

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi*

Bước chân thi sĩ đã qua Sông Mã rồi, thi sĩ đang hướng về miền xuôi. Châu thổ người kinh nằm giữa Sông Hồng, Sông Mã; thi sĩ xa sông Mã là đang hướng về bản thổ cũ. Đang rời xa chiến trường rừng núi mà đã nhớ rồi. Đoạn thơ bốn câu trên, cũng như toàn bài thơ, qua bản viết tay của Quang Dũng, không hề có một dấu phẩy, không hề có một dấu chấm.

Nhớ Sài Khao sương mù, nhớ Mường Lát mù sương. Và nhớ những cuộc hành quân súng vác vai vượt một ngàn thước lên cao gần trời, đến nỗi mũi súng như chạm mây, thức dậy, người được hương boả thiên tải, và lúc xuống đáy thung lũng, thấy Fa Luông như chìm trong biển mưa bàng bạc xa xa.

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Fa luông mưa xa khơi.*

Chữ Fa luông tác giả viết Fa, nhưng đã tẩy đi, viết chữ Pha bên trên, còn chữ luông không lên hoa. Bước chân rời Tây Tiến xa hơn, tác giả nhớ đến người bạn đã vĩnh viễn nằm lại Tây Tiến.

*Anh bạn dải dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người*

Anh không chết, anh chỉ không đi nữa, nằm lên hành trang và vũ khí, quên đi cuộc đời này. Tiếng thác ầm ầm của sơn lâm cũng là oai linh của hồn chiến sĩ. Tác giả tuy thế cũng nhớ đến con cọp thành tinh từng hiện về phá phách thôn bản trong vùng.

Trong một lần hành quân, đại đội của Đại úy Bùi Đình Diệm tới Mường Hịch, không xa Sông Mã. Người dân kể trong vùng có một con cọp đã thanh tinh, thường lên vào thôn bản vồ người mang đi mất xác; họ nhờ ông Đại đội trưởng có súng, hạ nó cứu mạng cho dân trong bản. Quang Dũng, hào kiệt thời kháng chiến, cao 1m73, cho trói một con lợn làm mồi, đêm ấy nằm chờ ác thú. Dân bản còn nhớ, đêm nghe mấy tiếng súng nổ, sáng ra thấy Đại úy và mấy binh sĩ hạ cọp vui vẻ trở về. Nhưng vì nó là hổ thành tinh, đã chống trả mãnh liệt, Quang Dũng phải bắn nhiều phát mới kết liễu được nó. ⁽⁵⁾

Còn ở Mai Châu là những kỷ niệm khác, êm đềm hơn.



Khởi Hành số 201, Tháng 7. 2013
*Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

Trai Hà Nội, người trung châu, lớn lên giữa Sông Hồng Sông Mã, đói ăn cơm gạo tám, lúa chiêm lúa mùa; yêu người vóc ngọc, thân ngà, giữa rừng thiêng nước độc sốt rét ngã nước không một viên kí ninh, tóc rụng đến trọc đầu, nhưng nghĩ đến giặc xâm lăng biên giới thì mắt trừng nẩy lửa, trong đêm hội ở doanh trại cao nguyên còn mơ màng chuyện yêu đương cũng rất mơ màng diễm tuyệt ở kinh thành:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp*



Nhạc về Viên chẵn xây hồn thơ

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn ai nẻo bến bờ
Có nhớ bóng người trên độc mộc
Trôi giòng nước lũ hoa đong đưa*

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm*

Trong ba đoạn thơ trên, chữ Viên-chẵn mới đầu viết là Viên chiên, sau tác giả sửa lại. Chữ giòng viết giòng, gì. Chữ Kiều, viết chữ K hoa. Hai khúc thơ cuối cùng của bài Tây Tiến, khúc trên dành cho người ở lại, những tử sĩ chôn vùi không có đến một manh chiếu quấn quanh thi thể (*áo bào thay chiếu*); họ dâng hiến tuổi trẻ cho chiến tranh, khóc họ chỉ có tiếng ầm ì, tiếng gầm thét của giòng Sông Mã. Khúc dưới dành cho những người đã chiến đấu ở Tây Tiến "*mùa xuân ấy*": 1947; đã xa Tây Tiến trở về miền xuôi, nhưng lòng không về, lòng ở lại với núi rừng xưa, chiến hữu cũ:

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

*Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.*

Trong 9 năm thơ kháng chiến, bài *Tây Tiến* nổi trội vượt bậc, và không một chữ nào nói đến lãnh tụ, nói đến lòng yêu nước, nhưng lòng yêu nước chan hòa trong từng câu, từng chữ và tình yêu thắm thiết trong đó là tình bạn hữu, tình yêu thiên nhiên, sông núi, và tình mộng của những chàng trai một thế hệ: thế hệ thanh niên chống Pháp xâm lược, "*chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*," làm nhiệm vụ thanh niên một cách thanh thản, tự nhiên, như tự ý thức nhiệm vụ phải thế, và lên đường.

Westminster, ngày lễ Thanksgiving, 2011.

1. Ngô Văn Chiêu, bộ đội, viết trong Hồi ký: "... *quân đội chính qui được lệnh rút khỏi Hà Nội từ ngày 25 tháng 11, (1946)*" theo **Việt Sử Khảo Luận** của Hoàng Cơ Thụy, trang 2136. Cũng sách này, cuối trang, theo tướng Vương Thừa Vũ: "*Ngày 17.12, tiểu đoàn cuối cùng của Vệ Quốc Đoàn rút khỏi thành phố, lui về Bạch Mai.*" Như thế, khi cuộc nổ súng bắt đầu, ngày 19.12, bảo vệ Hà Nội chỉ có thanh niên sinh viên Hà Nội, không có đơn vị chính qui nào.

2. Hoàng Cơ Thụy (2002): Việt Sử Khảo Luận, Nam Á, Paris. Xem thêm "Dương Quảng Hàm, mùa đông 1946," Viên Linh, Khởi Hành 110, 12.2005.

3. Lê Khải Trạch (1974): trong thư gửi Viên Linh, Thời Tập số 20, 2.1975.

4. Viên Linh "Dương Quảng Hàm, mùa đông 1946," Khởi Hành 110, tháng 12.2005.

5. Lâm Bình (2008): "Những câu chuyện phía sau bài thơ Tây Tiến," VnExpress.Net.

**Phụ đính :
Chùm thơ Quang Dũng**

Không đề

Em mãi là hai mươi tuổi
Ta mãi là mùa xanh xưa
Những cây ổi thơm ngày ấy
Và vàng hoa ngâu mưa thu
Tóc anh đã thành mây trắng
Mắt em đáng thời gian qua

Ngày nay ngày nay
Chuyện đẹp qua đi
Thời gian gấp ruổi
Còn lại chúng ta
Em mãi là hai mươi tuổi
Ta mãi là mùa xanh xưa
Giữ trọn tình người cho đẹp

Ơi! Con đường xưa
Những mùa trút lá
Cành bàng mờ côi
Cổng cũ rêu phong
Ý đợi người

Ơi! Con đường xưa
Men vườn ổi thơm
Em tuổi hai mươi
Yêu anh hào hiệp

Bỏ em anh đi
Đường hai mươi năm
Dài bao chia ly
Có những vợ chồng

Không là trăm năm
Mà tình thương yêu
.....

Sông ơi! Dài sao
Rộng ơi! Biển cả
Thôi em nước mắt
Đừng rơi lã chã!

Em mãi là hai mươi tuổi
Ta mãi là mùa xanh xưa
Giữ trọn tình người cho đẹp

1970

Đêm Bạch Hạc

Có những chiếc giường lạ
Nhìn ra mảnh sân nào
Nửa đêm chợt thức giấc
Thấy ta nằm ở đâu

Như cánh chim mỗi cánh
Tạt vào rừng không quen
Không chọn cành ngủ đỗ
Nào mong gì ấm êm

Đêm nay đêm Bạch Hạc
Ta tạt vào nhà ai
Nghe sông Lô cuộn nước
Dềnh lên suốt đêm dài

Sáng mai rồi tiễn biệt
Tóc đẹp nhường băng khuâng
Một đêm dài để nhớ
Những người xa vô cùng

Mái nhà đêm Bạch Hạc
Có nhớ người đi không?

1967

Trưa hè

Trưa hè bỗng nhớ sông quê
Nước xa không bóng thuyền đi đôi dòng
Thóc nhà ai có phơi không?
Chói chang lửa thóc sân trông bóng người
Vại mưa in dáng mây trời
Em soi bóng có nhớ người xa em?
Bờ tre gió đánh lá mềm
Thoảng say mùi nái bên thềm ai giăng

Xa quê dầu chẳng võ vàng
Trông mây núi nhớ mây làng về trưa
(Mây Làng, Quang Dũng) 1947-50”

Nó thực sự là bài Mây Làng, trong sưu tập Viên Linh mà con gái nhà thơ gửi cho. Dưới đây mới là bài Trưa Hè nguyên tác, chưa từng đăng báo in sách bao giờ, chỉ xuất hiện trên Tác Phẩm Khởi Hành chủ đề Quang Dũng và báo Người Việt hôm nay:

Trưa hè

Nắng nặng đè lên phổi ép ran
Gió Lào hun nắng đốt không gian
Hồn trưa tịch mịch im trong cỏ
Đường bốc hơi xa thăm núi ngàn

Đôi quán nằm im trong bóng lá
Bộ hành thêm thiếp nhớ trung châu
Kéo kẹt võng đưa người xứ Bắc
Oán than Kiều lấy một vài câu

Người thấy tâm tư nặng trĩu buồn
Trưa hè hiu quạnh gọi cô đơn
Cảnh vật đắm chìm trong trống rỗng
Gió Lào hun nắng đốt ran ran.

Quang Dũng

(Trưa hè, 1947-50. Khởi Hành số 201, 7.2013)

Date:
Subject:

những độc giả biết và yêu thơ
của bố cháu
Một lần nữa cháu xin bày tỏ
lòng biết ơn tới chú, qua chú
tới những độc giả, bạn bè có
tâm lòng hảo tâm đã giúp
đỡ mẹ cháu.
Kính chúc chú mạnh khỏe, luôn
tâm được sự thanh thản trong cuộc
sống và trẻ mãi.

Cháu: Phạm Phương Thảo,
Địa chỉ: Nhà phòng tập thể
đặt him - Quận Hai Bà Hà Nội.



Thư của Phương Thảo, cô con gái út của Quang Dũng.
(Hình: Viên Linh cung cấp)

Xem "Tác giả & tác phẩm Quang Dũng II" trang 17
tựa đề: Người thời xưa, thơ nay mới thấy của Viên Linh

Đêm Việt Trì

(Tặng cô Huệ)

Em là con hát ở bên sông
Hát mãi từ khi em bỏ chồng
Chiều đến, em ngồi trên bến vắng
Gửi người bốn xứ mảnh tình không !

Em là con hát ở bên sông
Lạnh với trường giang kiếp má hồng
Chiều đến em bưng son phấn mộng
Rẻ người không tiếc mảnh hồn trong.

Em là con hát ở bên sông
Đàn phách là đôi bạn khốn cùng
Khách ghé phương nao thấy kiếp khách
Hoài đâu nước mắt khóc tình chung.

Em là con hát ở bên sông
Nước chảy ngàn xưa luống chảy rờng
Nước chảy không về nguồn quá khứ
Em buồn dĩ vãng, mắt khô trong.

Em là con hát ở bên sông
Đừng nhớ thương em uống tác lòng
Em ở kiếp này là ở tạm
Tìm em kiếp khác Liễu Trai Nương.

Đường trăng

Đường ấy dĩa trăng như cổ tích
đường vào những truyện thuở ngày xanh
đường qua bến lợng ngang người cát
biển thủy triều dâng mặn nước lành

Đường ấy đi về qua bóng núi
miếu đêm soi lạnh xuống sông dài
lay động màn sương trên khói sóng
thuyền khơi ai gõ mạn xa khơi

Đường ấy sao khuya đầm nước mát
trong vời như ngọc, lá tre xanh
giếng làng còn ướt trăng trên đá
chim ngủ xôn xao độn lá cành

Là những đường đi qua ngõ trúc
mẹ già thao thức ngó qua phen
hành quân trong đám người đêm ấy
biết có con thương của mẹ hiền

Là những đường trăng qua bến lảng

hoa nhài thơm ngõ đượm quân trang
lớp này lớp khác người sang hết
thuyền lại nằm phơi dưới nguyệt vàng

Là bước quân đi đường kháng chiến
lòng thôn trắng giải biết bao nhiêu
bao nhiêu giấc ngủ làng thôn động
gà chột nhâm canh chột gáy theo

Mây đầu ô

Mây ở đầu ô mây lang thang
Ôi ! Chật làm sao
Góc phố phường
Mây ở đầu ô
Hẹn những chân trời xa lạ
Qua một ngọn cột đèn
Chiều tối lại bùng con mắt đỏ
Cành bàng mái cũ khăng khiu
Vườn đẹp khi mùa rụng lá
Cành bàng lại mở tàn xanh
Mùa hạ về theo chim sẻ
Nhưng ta có gì
Tự thấy những ngày không tẻ ?
Mây trắng lang thang
Gió thổi bồi bồi phố chật
Những lớp người hai mươi tuổi
Ca nước đập vỏ bình toong
Khăn mặt thấm mồ hôi
Bụi đỏ
Bụi vàng
Trung du bóng cọ
Nắng đốt màu da họ
Là nắng triền cao
Tay sém ngấn mặt trời
Là trời công trường xa tít tắp
Áo ngực xanh yếm biển
Bay bay dải mũ Hải Quân
Những gã hai mươi mùa xuân
Từ đâu thổi vào thành phố ?...
Mây mùa thu
Lọt qua trời hẹp ngõ
Lướt nhanh qua mái ngói ba tầng
Tiếng dương cầm...
Ta theo tiếng nhạc
Bay khỏi mái nhà
Ta mê xanh thắm
Như cánh chim trời
Thấy
Minh còn sức trẻ

Ơi ! Những bạn tôi
Vào lớp tuổi năm mươi
Mây ở đầu ô
Trời xanh lộng thế...

(1970)

Suối tóc

Thuở ấy em ngồi trên cửa gác,
Tóc buông hong với gió đầu thu
Nhẹ nhàng anh đến hôn chạn chứa
Ghi vội vàng em mấy nét thơ...

Em mãi mơ gì dưới nắng êm ?
Tóc như suối mực chảy êm đêm...

.....

Hương nhẹ như là hương hoa cau
Tóc em buông suối chảy về đâu ?
Thiên thai em mở bình trong gác
Đựng hết Trời xanh chứa hết màu

Giờ hết, Em đi, mùa cũng hết
Nhưng thời hong tóc hiem làm sao !
Rộn ràng nắng mới tìm hương cũ.
Ngơ ngẩn chiều đi trước gác cao.

Em hãy về đây ngắm lại tranh
Sắc màu còn gửi bóng ngày xanh,
Đây là suối tóc qua song cửa
Vẫn chảy êm đêm dưới nắng hanh.

(Làm tại Hà Khẩu năm 1945)

Thu quê ai

Như cảnh đã vào thu sớm
Da rợn từng cơn, núi đổ chiều
Lá mía, tàu cau rũ héo
Vàng, ôi vàng hắt hiu !
Ngồi đây bến cát triền sông Mã
Ngẫm chuyện mười năm như nước lũ
Ai hay ngày tháng lại quay về
Cầm Thủy, Tây Giai thành vẫn đá
Những tàu cau
đượm làm chi ánh nắng ?
Mà sao lưu luyến quê người !
Ôi ta nhớ một quê nhà

Những tàu cau
đượm làm chi ánh nắng ?

Chum nước, gáo dừa, nhà xoan, gốc mít
Đỏ, nâu, mít chín trĩu cành
Trưa thoáng trời xưa êm ả
Lửa cơm chiều ?
Hơi thu ?
Nhựa thơm gạo mới bát chiêm canh
Nhớ sao những tháng ngày xanh
Rất xanh !
Chiều mát. Đê dài. Cỏ may ta nhật

Ai ơi ! Phấn trắng mía bầu
Thân ngô xơ xác
Nhật gốc tre khô
Ta nhóm ấm nước
Chiều từ đâu...
Mà lạnh đến từ đâu ?

(1965, khu Tư, ven sông Mã.
Ngòi bên này đê trông sang Phủ Quảng, Tây Giai.
Một ngày thu nhớ nhà. Nhà ta đâu ?)

Bố Hạ

Cuối năm trên đường đi Bố Hạ
Tháng chạp mùa cam lửa đốt vườn
Bãi sỏi quanh co dòng nước chậm
Cheo leo cầu tạm vắt sông Thương

Xe ngựa bình yên leo dốc đở
Cuối năm trên đường đi Bố Hạ
Đỉnh đồi quán sậy dựng phen lau
Ngựa dừng rử bụi than tàu hỏa
Đường áp chia tay khách hỏi chào

Cuối năm trên đường đi Bố Hạ
Ruộng bậc thang còn trơ gốc rạ
Rừng núi mờ xa khói trẻ trâu
Tơi nón trung du em về đâu

Nhớ ai trên đường đi Bố Hạ ...
Rừng xa Yên Thế hùm thiêng nằm
Đồn cũ Phồn Xương rét cuối năm
Râu tóc tướng quân cờ nghĩa ruổi

Ngựa chiến băng đường dấu còn mới
Nếp bóng vườn cam đường Bố Hạ

Mả Tây, tri huyện lập công làm
Bia ký quân thù trận Nhã Nam.

Những cô hàng xén

Rặng vải ven sông Đáy
Um tùm bóng cuối xuân
Sông cạn phơi lòng cát trắng
Người qua nâng váy ôm quần
Những gánh hàng xén bờ cặng
Má hồng thôn nữ
Thoảng mùi thơm quê mùa
Hơi thờ ám trầu đen rưng rức
Mẹ già nón nhẹ bay tua

Rặng vải um tùm quả chín
Mòng mọng căng lên sức sống chan hòa
Cuối xuân mây lạnh
Đầu hạ gió đưa
Tu hú phương nào bịn rịn

Tu hú tu hú
Mùa vải ven bờ
Nơi quê hương trời xưa ấu thơ
Mái tóc em vừa vương hương bưởi
Chân nhẹ nhàng còn dính phấn hoa
Thôn nào cô mới đi qua
Gà vừa gáy sáng
Thắt lưng đào bên sông im lặng
Kịt kịt đôi bờ
Các cô hàng xén ngày xưa

Các cô hàng xén ngày xưa
Gương tròn bỏ túi
Tóc giắt hoa nhài
Hay ngậm ngùi xem Nhị Độ Mai
Gấp trang sách lại thương đời Cúc Hoa
Trong bồ đủ loại Tây Du
Chinh Đông Chinh Tây
Bìa sơn dầu gáy mốc
Đôi cuốn Thạch Sanh
Một chồng Trê Cóc
Khi gió mùa xuân
Xanh càng tươi lộc
Bói trang Kiều xem chuyện nhân duyên

Tiếng trường xa đã điếm
Đường về trường huyện xôn xao
Các cô đôi má ửng đào
Mấy anh lớp nhất lối nào vừa qua

Hàng các cô
Ngòi bút "ba la"
Giấy tây, phẩm tím
Mười bó quàn bút
Thước kẻ tẩy chì
Các anh sắp đến mùa thi
Lúa đồng cũng sắp đến kỳ vàng hoè

Rặng vải quanh đường về
Quả ngả màu hoàng hôn đỏ sẫm
Sóng hiu hiu chiều
Gió mát ven đê

Các cô hàng xén gánh về
Tiếng cười khúc khích
Tu hú im rồi
Vàng nghiêng nắng chếch
Các cô về qua sông
Sông Đáy xuôi dài cồn cát mênh mông
Làng bên bờ xanh mía
Thoảng mùi hoa lan hoa nhài nhè nhẹ
Tiếng nói xa dần
Chiều tím cuối mùa xuân
Sông nước trong xanh
Những bước chân tròn cát mịn

Hàng cau chiều phất phơ
Diều sáo vang lên trắng sáng tỏ
Ngõ làng rộn tiếng cười reo, chó sủa
Hoa lan vào ngõ tối còn thơm
Các cô hàng xén về làng

Các cô hàng xén về làng
Mai lại đi từ tối đất
Cần cù nuôi mẹ nuôi em
Những cô hàng xén tên xinh
Đẹp như ca dao nước Việt.